

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HS-ST
Ngày 07-11-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Tâm

Thẩm phán: ông Hồ Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoài Việt;
2. Ông Võ Hòa Minh;
3. Bà Trần Thị Ngân Hà.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Phạm Thanh Giúp – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 10 và ngày 07 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2022/TLST- HS ngày 06 tháng 9 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Trung Q, sinh năm 1981 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp LH, xã LC, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N; có vợ tên: Lương Nguyễn Thùy Tr và 01 người con, sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/11/2021 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Văn Hiền Trung – Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn Re, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh được chỉ định là người bào chữa cho bị cáo; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Ông Huỳnh Văn Tr, sinh năm 1953 và bà Lưu Thúy P, sinh năm 1957; cùng trú tại ấp L P, xã L K, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Hà Văn T, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp L H, xã L C, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Anh Trần Minh X, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp B, xã TT, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Anh Dương Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: khu phố Y, thị trấn BC, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Chị Trương Thị Thúy N, sinh năm 1983; địa chỉ mới: số A, hẻm X, đường Huỳnh T Pt, khu phố HL, phường HN, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Ông Đinh Văn H, sinh năm 1948 và bà Lâm Thị Ng, sinh năm 1958; cùng địa chỉ: ấp TH, xã MC, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; bà Ng ủy quyền cho ông H; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:*

+ Chị Lương Nguyễn Thùy Tr, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp L H, xã L C, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Anh Võ Văn Tr, sinh năm 1970; địa chỉ: khu phố X, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp L H, xã L C, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1955; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Chị Lý Thị Kim L, sinh năm 1984; có mặt.

Cùng trú tại: số A, khu phố L Ti, phường LT, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;

+ Chị Võ Ng H, sinh năm 1980; địa chỉ: khu phố LK, phường LT, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở kết quả điều tra xác định được như sau: Trong năm 2020, Nguyễn Trung Q đã dùng thủ đoạn gian dối như hứa hẹn tách thửa, chuyển quyền sử dụng đất cho bị hại; thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là: GCNQSDĐ) của người khác để chiếm đoạt tiền, Q đã thực hiện 06 vụ, chiếm đoạt tổng số tiền 1.340.000.000 đồng. Cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Q biết được ông Huỳnh Văn Tr cần làm thủ tục tách thửa cho đất các con (giấy đất do ông Tr và vợ là bà Lưu Thúy P đứng tên), Q nói với

ông Tr để Q làm thủ tục giúp thì ông Tr đồng ý, ngày 20/02/2020, ông Tr đưa cho Q 05 GCNQSDĐ và số tiền 45.000.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Q biết ông T đang cần làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất (đất ông T mua lại của ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị M chưa sang tên), Q nói với ông T để Q làm thủ tục giúp thì ông T đồng ý, ngày 22/3/2020, ông T đưa cho Q 01 GCNQSDĐ và 10.000.000 đồng.

- Vụ thứ ba: Sau khi có GCNQSDĐ của ông Tr, ông T giao thì vào khoảng tháng 07/2020, Q đến nhà ông Trần Minh X thế chấp cho ông X 02 GCNQSDĐ của ông Huỳnh Văn Tr, bà Lưu Thúy P (01 giấy số vào sổ CH00260, UBND huyện Bến Cầu cấp ngày 26/8/2010; 01 giấy số vào sổ CH01603, UBND huyện Bến Cầu cấp ngày 08/5/2013) lấy số tiền 75.000.000 đồng; thế chấp 01 GCNQSDĐ của ông Hà Văn T (số vào sổ HL00267, UBND huyện Bến Cầu cấp cho ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị M ngày 12/10/2006, ông T chưa sang tên) lấy số tiền 60.000.000 đồng; tổng số tiền Q chiếm đoạt của ông X 135.000.000 đồng.

- Vụ thứ tư: đối với ông Dương Văn T, ngày 28/9/2020, Q thế chấp 01 GCNQSDĐ của ông Huỳnh Văn Tr, bà Lưu Thúy P (số vào sổ CH00261, UBND huyện Bến Cầu cấp ngày 26/8/2010) cho ông T vay số tiền 100.000.000 đồng. Do ông T không có tiền nên ông T vay của ông Võ Văn Tr số tiền 100.000.000 đồng đưa cho Q và có yêu cầu Q viết giấy mượn tiền của ông Tr. Số tiền Q chiếm đoạt của ông T 100.000.000 đồng.

- Vụ thứ năm: đối với vợ chồng bà Lâm Thị Ng, ông Đinh Văn H, ngày 21/6/2020, Q cầm cố cho bà Ng 01 xe ô tô biển số 84A-044.41 vay số tiền 130.000.000 đồng, hẹn đến ngày 01/7/2020 sẽ trả tiền gốc, Q không thực hiện đúng thỏa thuận. Đến ngày 08/10/2020, Q mang GCNQSDĐ của ông Huỳnh Văn Tr, bà Lưu Thúy P (số vào sổ CH01678, UBND huyện Bến Cầu cấp ngày 25/6/2013), tự viết giấy cam kết bán đất và nói dối là đã mua đất của ông Tr, bà P nhưng chưa sang tên. Q thế chấp cho bà Ng để lấy lại xe ô tô, bà Ng tin thật nên đồng ý nhận giấy đất, trả xe ô tô lại cho Q, Q nhận lại xe bán lấy tiền tiêu xài; Q chiếm đoạt của bà Ng, ông H số tiền 130.000.000 đồng.

- Vụ thứ sáu: đối với chị Trương Thị Thúy N, từ ngày 10/8/2020 đến cuối tháng 12/2020, Q đã sử dụng 04 GCNQSDĐ của người khác đứng tên nói dối chị N đã mua nhưng chưa sang tên, chiếm đoạt tổng số tiền 920.000.000 đồng, cụ thể:

+ Sử dụng GCNQSDĐ số vào sổ CS0485, cấp ngày 10/12/2020 do bà Nguyễn Thị Hồng H đứng tên nhờ Q bán dùm, Q nói với chị N phần đất đã mua của bà H chưa sang tên, thế chấp cho chị N chiếm đoạt 02 lần với tổng số tiền 350.000.000 đồng (lần 1, số tiền 250.000.000 đồng, lần 2, số tiền 100.000.000 đồng).

+ Sử dụng GCNQSDĐ số vào sổ HL00731, cấp ngày ngày 21/5/2005 của bà Nguyễn Thị Kim Ph và ông Nguyễn Ngọc NgX (hiện ông NgX đã chết): Vào khoảng tháng 12/2019, Q có mua của bà Ph, ông NgX 540 m² trong phần đất

2.345,8 m² với số tiền 132.000.000 đồng, Q đã trả 65.000.000 đồng, bà Ph giao giấy đất cho Q, Q hứa khi làm thủ tục chuyển nhượng, tách thửa xong Q sẽ giao đủ tiền. Sau đó, Q mang giấy đất của bà Ph, ông NgX thế chấp cho chị Trương Thị Thúy N vay 100.000.000 đồng và chiếm đoạt số tiền này.

+ Ngày 16/6/2020, Q đến nhà của ông Nguyễn Viết Th hỏi mượn giấy đất của ông Th để thế chấp thì ông Th đồng ý cho mượn giấy GCNQSDĐ số vào sổ CS04367, cấp ngày 16/01/2019 do ông Nguyễn Viết Th đứng tên. Sau khi nhận giấy đất của ông Th, Q tự làm giấy mua bán đất, mang giấy đất đến nhà chị Trương Thị Thúy N, Q nói phần đất đã mua của ông Th chưa sang tên, thế chấp cho chị N chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng.

+ Sử dụng GCNQSDĐ số vào sổ HL02351, cấp ngày 30/12/2008 của ông Huỳnh Văn Tr, bà Lưu Thúy P: Ngày 10/9/2020, Q viết giấy mua bán đất đổi với phần đất được cấp trong giấy đất, mang đến nhà chị N nói đổi là đất đã mua của ông Tr chưa sang tên thế chấp cho chị N chiếm đoạt số tiền 120.000.000 đồng. Ngoài ra, Q còn cầm cố 01 xe ô tô cho chị N vay 200.000.000 đồng, đến ngày 14/9/2020, do nhà bà N không có chỗ để xe, bà N kêu Q mang xe về. Khi Q lấy xe, chị N và Q thỏa thuận thêm nội dung Q thế chấp giấy đất của ông Tr, bà P đảm bảo luôn số nợ 200.000.000 đồng, tổng số tiền Q chiếm đoạt 320.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 427/KL-KTHS ngày 11/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, kết luận:

- Chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M02) là không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M01) là do cùng một người viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Viết Th trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký đứng tên Nguyễn Viết Th trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M01) và chữ ký đứng tên Nguyễn Trung Q trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu 02) có phải do cùng một người ký ra hay không.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Trung Q trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký đứng tên Nguyễn Trung Q trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M02) là do cùng một người ký ra.

- Dấu vân tay trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) dường vân mờ nhòe không đủ yếu tố giám định.

Tại Kết luận giám định số 560/KL-KTHS ngày 15/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, kết luận:

- Chữ viết mang tên Nguyễn Thị Hồng H trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết của Nguyễn Trung Q, Lý Thị Kim L và Võ Ng Hân trên tài liệu mẫu (ký hiệu M01, M02, M03) là không phải do cùng một người viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Thị Hồng H trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký của Nguyễn Trung Q, Lý Thị Kim L và Võ Ng H trên tài liệu mẫu (ký hiệu M01, M02, M03) có phải do cùng một người viết ra hay không.

Quá trình điều tra, Nguyễn Trung Q thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Cáo trạng số 19/CT-VKSTN-P1 ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Trung Q về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung Q phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Q từ 08 năm đến 10 năm tù.

+ Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại bị cáo Q 01 giấy CNQSDĐ số AD 895794 do ông Bùi Văn X và Phan Thị Thập đứng tên.

+ Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 11 ngày 25/7/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh.

- Luật sư Trung bào chữa cho bị cáo phát biểu: Thống nhất với tội danh truy tố của Viện kiểm sát, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả, bị cáo có nhân thân tốt, hoàn thành nghĩa vụ quân sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, tất cả các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trung Q không tranh luận.

Ông Trần Minh X trình bày: GCNQSDĐ của ông Tr, ông T (bị cáo Q thế chấp cho ông) ông đã nộp cho Cơ quan điều tra, ông yêu cầu bị cáo trả số tiền 135.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ông Dương Văn T trình bày: GCNQSDĐ của ông Tr (bị cáo Q thế chấp cho ông) ông đã nộp cho Cơ quan điều tra, ông yêu cầu bị cáo trả số tiền 100.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ông Đinh Văn H trình bày: GCNQSDĐ của ông Tr (bị cáo Q thế chấp cho ông) ông đã nộp cho Cơ quan điều tra, ông yêu cầu bị cáo trả số tiền 130.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Chị Trương Thị Thúy N trình bày: GCNQSDĐ của ông Tr, ông Th, bà H, bà Ph (bị cáo Q thế chấp cho chị), chị đã nộp hết cho Cơ quan điều tra. Trước khi cơ quan điều tra khởi tố vụ án thì bị cáo Q có trả cho chị được số tiền 70.000.000 đồng, chị đồng ý khấu trừ vào tiền vốn vay, yêu cầu bị cáo trả số tiền 850.000.000 đồng = (920.000.000 đồng – 70.000.000 đồng) và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ông Hà Văn T trình bày: Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại GCNQSDĐ cho ông xong, ông yêu cầu bị cáo trả số tiền 10.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ông Huỳnh Văn Tr, sinh năm 1953; bà Lưu Thúy P có đơn trình bày: Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ 05 GCNQSDĐ cho ông xong, gia đình bị cáo đã trả cho ông bà số tiền 45.000.000 đồng, ông, bà không yêu cầu gì khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Chị Lý Thị Kim L trình bày: thửa đất số 1503, tờ bản đồ số 18, diện tích 138,3 m² tọa lạc tại ấp Long Châu, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu là đất của chị nhờ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Hồng H đứng tên GCNQSDĐ, giấy đất này do chị đưa cho bị cáo Q nhờ bán đất dùng lấy tiền hùn vốn làm ăn với bị cáo, chị và bà H (mẹ chị) không có ký tên vào giấy tay mua bán đất ngày 21/10/2019, hiện GCNQSDĐ của chị Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho bà H xong nên chị không yêu cầu gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua đơn tố cáo của các bị hại đối với Nguyễn Trung Q có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tây Ninh đã xử lý tin báo khởi tố vụ án, tiến hành điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, bị cáo Q, người bào chữa cho bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Qua xem xét hồ sơ nhận thấy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Q khai nhận: Lợi dụng mối quan hệ quen biết nên trong năm 2020, Q đã dùng lời lẽ và thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của một số bị hại cụ thể như sau:

[2.1] Đối với vợ chồng ông Tr, ông T bị cáo đã dùng lời lẽ gian dối là nhận làm thủ tục tách thửa, sang tên giấy CNQSDĐ cho ông Tr, ông T (mặc dù bị cáo không có khả năng thực hiện), sau khi nhận của ông Tr 45.000.000 đồng và 05 giấy CNQSDĐ, nhận của ông T 10.000.000 đồng và 01 GCNQSDĐ bị cáo tiêu xài hết, giấy đất bị cáo thế chấp cho ông X, ông T, ông H, chị N lấy tiền tiêu xài và chiếm đoạt số tiền của ông Tr 45.000.000 đồng, ông T 10.000.000 đồng.

[2.2] Đối với ông Trần Minh X, sau khi có được GCNQSDĐ số vào sổ CH00260, cấp ngày 26/8/2010; 01 giấy số vào sổ CH01603, cấp ngày 08/5/2013 của ông Tr, và GCNQSDĐ số vào sổ HL00267 cấp ngày 12/10/2006 của ông T (ông T nhận chuyển nhượng từ ông Ch chưa sang tên) bị cáo đem thế chấp cho ông X vay số tiền 135.000.000 đồng và chiếm đoạt số tiền này.

[2.3] Đối với ông Dương Văn T sau khi có được GCNQSDĐ số vào sổ CH00261, UBND huyện Bến Cầu cấp ngày 26/8/2010 của ông Tr, bị cáo đem thế chấp cho ông T vay số tiền 100.000.000 đồng và chiếm đoạt số tiền này.

[2.4] Đối với vợ chồng bà Ng, ông H, bị cáo đã thế chấp GCNQSDĐ số vào sổ CH01678, ngày 25/6/2013) của ông Tr, bà P tự viết giấy cam kết bán đất và nói dối đã mua đất của ông Tr, bà P nhưng chưa sang tên. Q thế chấp cho bà Ng, ông H vay số tiền 130.000.000 đồng và chiếm đoạt số tiền này.

[2.5] Đối với chị Trương Thị Thúy N:

+ Bị cáo sử dụng GCNQSDĐ của ông Nguyễn Viết Th (cho bị cáo mượn) và làm giả giấy tay nội dung ông Th bán đất cho bị cáo, sau đó thế chấp cho chị N vay số tiền 150.000.000 đồng và chiếm đoạt số tiền này.

+ Sử dụng GCNQSDĐ số vào sổ HL02351, cấp ngày 30/12/2008 của ông Tr, bà P, Q viết giấy mua bán đất đối với phần đất được cấp trong giấy đất, mang đến nhà chị N nói đất đã mua của ông Tr chưa sang tên thế chấp cho chị N vay tổng số tiền 320.000.000 đồng và chiếm đoạt số tiền này.

+ Sử dụng GCNQSDĐ số vào sổ CS0485, cấp ngày 10/12/2020 do bà Nguyễn Thị Hồng H đứng tên, giấy này do chị L (con bà H) đưa cho bị cáo nhờ bán đất dùm lấy tiền hùn vốn với bị cáo làm ăn. Q nói với chị N phần đất đã mua của bà H chưa sang tên, thế chấp cho chị N vay 02 lần với tổng số tiền 350.000.000 đồng và chiếm đoạt số tiền này. Tại phiên tòa, bị cáo trình bày chị L đã bán đất này cho bị cáo, chị L không thừa nhận, kết quả giám định giấy tay mua bán đất “không phải chữ ký của bà H, chị L” nên lời trình bày của bị cáo là không có căn cứ.

+ Sử dụng GCNQSDĐ số vào sổ HL00731, cấp ngày ngày 21/5/2005 của bà Nguyễn Thị Kim Ph và ông Nguyễn Ngọc NgX thế chấp cho chị N vay số tiền 100.000.000 đồng và chiếm đoạt số tiền này.

[3] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu và chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ và qua kết quả xét hỏi tại phiên tòa cho thấy, bị cáo Nguyễn Trung Q là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Trung Q đã phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tổng tài sản bị chiếm đoạt là 1.340.000.000 đồng, đã phạm vào điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự “*tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên*” theo Cáo trạng số 19/CT-VKSTN-P1 ngày 31 tháng

8 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Vụ án mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Cụ thể:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội hai lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi bị bắt bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình nộp tiền khắc phục toàn bộ hậu quả, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên chấp nhận đề nghị của người bào chữa xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo phù hợp quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khi quyết định hình phạt cần xem xét áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có khó khăn về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận gia đình bị cáo Q đã bồi thường cho ông Tr, bà P số tiền 45.000.000 đồng xong nên không đặt ra giải quyết.

- Buộc bị cáo Nguyễn Trung Q phải có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau:

- + Bồi thường cho ông Hà Văn T số tiền 10.000.000 đồng;
- + Bồi thường cho ông Trần Minh X số tiền 135.000.000 đồng;
- + Bồi thường cho ông Dương Văn T số tiền 100.000.000 đồng;
- + Bồi thường cho ông Đinh Văn H, bà Lâm Thị Ng số tiền 130.000.000 đồng;
- + Bồi thường cho chị Trương Thị Thúy N số tiền 850.000.000 đồng.

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử chị Nguyễn Thị N (em bị cáo Q) đã nộp số tiền 1.225.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh và đề nghị dùng số tiền này khắc phục hậu quả cho bị cáo Q. Xét thấy hợp lý nên chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại các GCNQSDĐ cho ông Huỳnh Văn Tr, ông Hà Văn T, bà Nguyễn Thị Kim Ph, ông Nguyễn Viết Th, bà Nguyễn Thị Hồng H xong nên không đặt ra giải quyết.

- Cơ quan điều tra thu giữ của chị Trương Thị Thúy N 01 GCNQSDĐ số AD895794, sổ vào sổ HL01101/QSDĐ/1334/2005/QĐ-UB, cấp ngày 29/12/2005, thửa 102, tờ bản đồ số 18, diện tích 142 m² do ông Bùi Văn X và Phan Thị Th đứng tên và 01 giấy nhận cọc đất (bản gốc) ký giữa bị cáo Q và ông X, bà Th đề ngày 25/3/2020 (bút lục 311), tài liệu này do bị cáo Q đã thế chấp cho chị N để vay số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 08/8/2020. Qua điều tra xác định đất này bị cáo Q đã nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn X và Phan Thị Th chưa sang tên và số tiền vay chị N ngày 08/8/2020 là 150.000.000 đồng không L quan đến vụ án này nên trả lại GCNQSDĐ và 01 giấy nhận cọc đất nêu trên cho chị N là có căn cứ.

[9] Đối với Lệnh kê biên tài sản số 11 ngày 25/7/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh về kê biên của Nguyễn Trung Q 01 phần đất tại ấp Long Hòa, xã Long Chữ, huyện Bến Cầu, diện tích 540 m², thửa đất số 61, 62, tờ bản đồ số 09; theo GCNQSDĐ số T656579, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00052 do UBND huyện Bến Cầu cấp ngày 28/4/2014. Trong thời gian chuẩn bị xét xử chị Nguyễn Thị N (là em bị cáo Q) có nộp số tiền 1.225.000.000 (một tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng để khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị cáo. Xét thấy, việc kê biên tài sản của bị cáo là không cần thiết. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 130 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 11 ngày 25/7/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh.

[10] Từ nhận định trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

[11] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trung Q phải chịu tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể:

- Án phí hình sự là 200.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí dân sự: số tiền phải thi hành 1.225.000.000 đồng; phải chịu án phí là {36.000.000 đồng + (425.000.000 đồng x 3%)} = 48.750.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Q 08 (tám) năm tù, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-11-2021.

2. Các biện pháp tư pháp:

2.1. Trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận gia đình bị cáo Nguyễn Trung Q đã bồi thường cho ông Huỳnh Văn Tr, bà Lưu Thúy P số tiền 45.000.000 đồng xong nên không đặt ra giải quyết.

- Buộc bị cáo Nguyễn Trung Q phải có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau:

- + Bồi thường cho ông Hà Văn T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng;
- + Bồi thường cho ông Trần Minh X số tiền 135.000.000 (một trăm ba mươi lăm triệu) đồng;
- + Bồi thường cho ông Dương Văn T số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;
- + Bồi thường cho ông Đinh Văn H, bà Lâm Thị Ng số tiền 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng;
- + Bồi thường cho chị Trương Thị Thúy N số tiền 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Ghi nhận chị Nguyễn Thị N (em bị cáo Q) đã nộp số tiền 1.225.000.000 (một tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh để thi hành án khắc phục hậu quả cho bị cáo Q.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

3.1. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn Tr, ông Hà Văn T, bà bà Nguyễn Thị Kim Ph, ông Nguyễn Việt Th, bà Nguyễn Thị Hồng H xong nên không đặt ra giải quyết.

3.2. Trả cho chị Trương Thị Thúy N 01(một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD895794, sổ vào sổ HL01101/QSĐĐ/1334/2005/QĐ-UB, cấp ngày 29/12/2005, thửa 102, tờ bản đồ số 18, diện tích 142 m² do ông Bùi Văn X và Phan Thị Th đứng tên và 01 giấy nhận cọc đất (bản gốc) đề ngày 25/3/2020.

3.3. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 130 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 11 ngày 25/7/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh về kê biên của Nguyễn Trung Q 01 phần đất tại ấp Long Hòa, xã Long Chữ, huyện Bến Cầu, diện tích 540 m², thửa đất số 61, 62, tờ bản đồ số 09 theo GCNQSDĐ số T656579, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00052 do UBND huyện Bến Cầu cấp ngày 28/4/2014.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Trung Q phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 48.750.000 (bốn mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người tham gia tố tụng biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng bị hại ông Huỳnh Văn Tr, bà Lưu Thúy P và đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VP CQCSĐT CA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam;
- Công an huyện nơi các bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tâm